

TIẾP NHẬN VĂN HÓA NGOẠI LAI VÀ PHẢN ỨNG CỦA NGƯỜI BẢN ĐỊA – BÀN SÂU HƠN TRƯỜNG HỢP VIỆT NAM

Vũ Công Hảo

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Văn hóa là tài sản vô giá, là căn cốt tư tưởng, tinh thần của mỗi quốc gia, dân tộc. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa và học hỏi, tiếp nhận có chọn lọc văn hóa ngoại lai là con đường phát triển của mọi quốc gia, dân tộc trong hành trình tự “đề kháng” và tiến tới hội nhập, toàn cầu hóa.

Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích lịch sử tiếp nhận văn hóa ngoại lai cùng phản ứng của người bản địa khi tiếp nhận của Nhật Bản, Hàn Quốc, một số quốc gia Châu Phi và Trung Đông; bài viết đưa ra vài kiến giải về bối cảnh, trạng thái tiếp nhận văn hóa Trung Quốc, Pháp và Liên Xô của Việt Nam và các khả năng tiếp biến của nó.

Từ khóa: Văn hóa ngoại lai, văn hóa bản địa, tiếp nhận, phản ứng

Nhận bài ngày 20.04.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.06.2025

Liên hệ tác giả: Vũ Công Hảo; email: vchao@hnm.edu.vn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiếp nhận văn hóa ngoại lai là một hiện tượng văn hóa - lịch sử có tính phổ biến ở bất kỳ thời đại nào, với bất cứ quốc gia, dân tộc nào. Bối cảnh, tình thế cũng như thái độ, phản ứng của bên tiếp nhận có thể khác nhau; song chung qui, mưu đồ đồng hóa cùng sự áp đặt, cưỡng bức, làm biến đổi văn hóa “gốc”, văn hóa bản địa của kẻ mạnh và những nỗ lực phòng vệ, chống trả của kẻ yếu luôn là một thực tế không thể phủ nhận. Việt Nam là quốc gia có vị trí địa lý, địa chính trị, địa văn hóa quan trọng trong khu vực và thế giới; nên trong trường kì lịch sử và đến tận ngày nay, vốn từng bị các nước lớn xâm lược và thường xuyên bị dòm ngó, mưu đồ thôn tính, thống trị. Lịch sử văn hóa Việt Nam, do đó, gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước của người Việt Nam, không tránh khỏi có những thời kì bị lệ thuộc, ảnh hưởng; song nguồn mạch, bản sắc của nó chẳng những không bị mất đi, mà còn được củng cố gìn giữ, ngày càng thêm đa dạng, phong phú và sâu sắc hơn. Dưới đây chúng tôi sẽ đưa ra một số ví dụ về các khía cạnh văn hóa và lịch sử liên quan đến tiếp nhận văn hóa ngoại lai và phản ứng của người bản địa qua trường hợp của Nhật Bản, Châu Phi, Hàn Quốc, Trung Đông...; đặc biệt phân tích sâu về sự phức tạp và đa chiều trong việc tiếp nhận văn hóa của các “nước lớn” ở Việt Nam qua ba thời kì tiếp nhận văn hóa Trung Quốc, Pháp, Nga.

2. NỘI DUNG

2.1. Tiếp nhận văn hóa ngoại lai, nhìn từ kinh nghiệm nước ngoài

* Trường hợp Nhật Bản tiếp nhận văn hóa phương Tây

Quốc đảo Nhật Bản nằm ở khu vực Đông Á, là một quốc gia nhỏ nằm trên vành đai núi lửa và động đất Thái Bình Dương, có dân số đông, nghèo khoáng sản tài nguyên thiên nhiên, ban đầu chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa phương Đông. Dấu ấn văn hóa phương Đông in đậm trong nghi lễ, tâm lí, kiến trúc, phong tục tập quán, thói quen của người Nhật Bản. Tuy nhiên, Nhật Bản hiện là một trong những cường quốc hiện đại hàng đầu thế giới. Kì tích đó có được là nhờ sự dũng cảm tự tách mình khỏi vòng cương tỏa mang tính khu vực của Nho giáo phương Đông, tiếp nhận văn hóa phương Tây một cách có tính toán, đặc biệt là trong thời kỳ canh tân mạnh mẽ của Minh Trị Thiên Hoàng (Mutsuhito, 1852-1912). Sau nhiều thế kỷ tự cô lập để bảo vệ mình, Nhật Bản buộc phải mở cửa dưới sức ép của các cường quốc phương Tây như Mỹ và các nước châu Âu. Năm 1868, vị hoàng đế trẻ Mutsuhito đã đề xuất chủ trương canh tân táo bạo: “*Học tập văn minh phương Tây và bảo trì truyền thống Nhật Bản*”, đưa Nhật Bản từ một quốc gia nhỏ bé, lạc hậu thành một nước đế quốc,

có vị thế, vai trò quan trọng trong khu vực và thế giới. “Chính phủ Minh Trị đã chủ động thúc đẩy công nghệ và các thiết chế phương Tây, đồng thời vẫn giữ lại nhiều cấu trúc xã hội truyền thống của Nhật Bản. Điều này đã tạo ra một nền văn hóa lai, trong đó sự Tây phương hóa cùng tồn tại với các truyền thống Nhật Bản” [Duus, P. 1998, p.45].

Quá trình học tập văn minh phương Tây của Nhật Bản không chỉ là sự thay đổi về chính trị, mà còn là sự tiếp nhận và điều chỉnh văn hóa. Tuy nhiên, thay vì hoàn toàn sao chép văn hóa phương Tây, Nhật Bản đã chọn lọc và kết hợp các yếu tố hiện đại hóa như công nghệ và hệ thống quản trị, nhưng vẫn giữ lại các giá trị truyền thống như lòng trung thành, cấu trúc gia đình và tôn giáo. Đây là một ví dụ điển hình về “modernization without Westernization” (hiện đại hóa mà không Tây hóa).

Việc giữ lại bản sắc riêng trong khi tiếp thu những yếu tố văn hóa ngoại lai có lợi là yếu tố then chốt giúp Nhật Bản duy trì một xã hội ổn định và phát triển nhanh chóng, trở thành một cường quốc vào đầu thế kỷ 20. Đến nay, Nhật Bản đã trở thành biểu tượng của một quốc gia có lịch sử phát triển lâu đời, có truyền thống văn hóa (samurai, geisha, trà đạo, kiếm đạo...) hết sức đặc sắc với nền khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại. Có thể nói ở Nhật, việc tiếp nhận văn hóa nước ngoài luôn được thúc đẩy mạnh mẽ, nó làm giàu có cho dân tộc Nhật, đồng thời tạo dựng được hình ảnh đẹp về đất nước, con người Nhật Bản, làm cho nước Nhật có thể thích ứng, hội nhập sâu rộng với thế giới.

*** Phản ứng của các dân tộc châu Phi đối với văn hóa thực dân châu Âu**

Tại châu Phi, sự xâm lược và thống trị của các đế quốc châu Âu đã gây ra sự biến đổi sâu sắc trong cấu trúc xã hội và văn hóa của các dân tộc bản địa. Một trong những ví dụ tiêu biểu là người Kikuyu ở Kenya, đã bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi chính sách thực dân của Anh. Mặc dù bị áp lực phải theo Thiên Chúa giáo và các giá trị của người châu Âu, nhưng người Kikuyu đã phản ứng bằng cách tạo ra sự tổng hợp giữa tôn giáo ngoại lai và các phong tục bản địa. Điều này cho thấy sự tiếp nhận văn hóa ngoại lai không diễn ra một chiều, mà luôn có sự đàm phán và chọn lọc từ phía các dân tộc bản địa. “Người Kikuyu đã chọn lọc để thích ứng với các thực hành của châu Âu, tích hợp Thiên Chúa giáo với các phong tục truyền thống để tạo ra một sự tổng hợp tôn giáo mới, phản ứng lại cả sự áp bức thực dân và ảnh hưởng của các nhà truyền giáo” [Berman, B. 1990, p.156].

Có thể nói, tại nhiều quốc gia thuộc địa châu Phi, sự tiếp nhận văn hóa thực dân được thể hiện dưới hình thức kháng cự và điều chỉnh. Trong khi một số giá trị và hệ thống hành chính châu Âu được áp dụng, văn hóa bản địa vẫn được bảo tồn thông qua các nghi lễ, tập tục và truyền thống tôn giáo. Đến nửa sau thế kỷ 20, hầu hết các quốc gia châu Phi đã giành được độc lập, đang phát triển mạnh mẽ theo xu thế chung; song nỗ lực điều chỉnh để tiến tới một sự dung hợp hài hòa giữa cũ và mới, lạc hậu và văn minh của cả châu lục nói chung, các quốc gia nói riêng đang gặp những trở ngại lớn bởi nhiều cách biệt, hạn chế trong nhận thức cố hữu của nhiều cộng đồng văn hóa bản địa. Dễ nhận thấy ở Algeria, Angola, Mozambique, Kenya, Ethiopia, Congo, Maroc hay Sudan, Somalia... sự tồn tại đồng thời của cả văn minh công nghiệp lẫn lối sống bán khai bộ tộc, bộ lạc. Tình trạng “hỗn tạp” văn hóa này có thể là nguyên nhân khiến cho châu Phi, nơi có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên và động vật hoang dã nhất thế giới, cũng là nơi có nhiều cuộc nội chiến, xung đột sắc tộc thường xuyên, chậm phát triển hơn so với các châu lục khác.

*** Phản ứng của Hàn Quốc đối với văn hóa Mỹ**

Cùng với Nhật Bản, Hàn Quốc hiện là một trong những đồng minh thân cận của Mỹ ở châu Á. Sau Chiến tranh Triều Tiên, sự hiện diện của quân đội Mỹ và sự hỗ trợ kinh tế từ phương Tây đã dẫn đến việc Hàn Quốc tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa phương Tây, đặc biệt là trong các lĩnh vực giải trí, giáo dục và công nghệ. Tiếp đó, với việc ủng hộ và gửi quân tham gia cuộc chiến tranh phi nghĩa ở Việt Nam, chính phủ Park Chung-hee đã hưởng lợi lớn trực tiếp từ nước Mỹ. Sự lệ thuộc Mỹ về kinh tế, chính trị, văn hóa... là đương nhiên. Tuy vậy, quá trình tiếp nhận này không đơn thuần chỉ là sự hấp thụ mà còn có sự điều chỉnh và phản ứng từ phía người Hàn Quốc. Văn hóa đại chúng Mỹ, từ âm nhạc, thời trang đến ẩm thực, đã tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ đến thế hệ trẻ Hàn Quốc; nhưng đồng thời, phong trào Hallyu (Làn sóng Hàn Quốc) sau đó cũng cho thấy người Hàn

Quốc đã tìm cách “xuất khẩu” ngược lại văn hóa của họ ra thế giới. “Sau Chiến tranh Triều Tiên, văn hóa đại chúng Mỹ tràn vào Hàn Quốc, dẫn đến cả sự ngưỡng mộ lẫn chỉ trích. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của Hallyu cuối cùng cho thấy một chiến lược xuất khẩu văn hóa Hàn Quốc như một phản ứng đối với sự thống trị văn hóa” [Lie, J. 2012, p.67].

Sự phản ứng với văn hóa ngoại lai của người Hàn Quốc được minh chứng qua sự phát triển của nền văn hóa K-pop và điện ảnh Hàn Quốc, nơi họ tận dụng các yếu tố kỹ thuật của phương Tây, nhưng vẫn giữ nguyên được bản sắc văn hóa dân tộc. Việc tăng cường đầu tư, xây dựng và phát triển ngành công nghiệp giải trí, đặc biệt âm nhạc, điện ảnh theo mô hình âm nhạc, điện ảnh Mỹ, tiến tới “xuất khẩu văn hóa” ra nước ngoài kể cả sang Mỹ, không chỉ thể hiện sự tiếp nhận có chọn lọc, đẩy mạnh phát triển nguồn lực sáng tạo nội sinh, mà còn cho thấy tầm nhìn và chiến lược phát triển văn hóa đúng đắn của Hàn Quốc trước nguy cơ “hòa nhập”, “tan loãng” các giá trị văn hóa bản địa do tác động của toàn cầu hóa hiện nay.

*** Phản ứng của các nước Trung Đông đối với văn hóa phương Tây**

Các nước Trung Đông, đặc biệt là các quốc gia vùng Vịnh như UAE, đã chứng kiến sự xâm nhập mạnh mẽ của văn hóa phương Tây, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế và giải trí. Tuy nhiên, việc tiếp nhận văn hóa phương Tây tại đây lại có một chiều hướng rất khác biệt, với sự pha trộn giữa hiện đại hóa và duy trì các giá trị Hồi giáo truyền thống. Điều này có thể thấy rõ nhất qua sự phát triển nhanh chóng của các thành phố như Dubai và Abu Dhabi, nơi những yếu tố văn hóa và kiến trúc phương Tây được kết hợp hài hòa với bản sắc địa phương.

Trong khi một số giá trị phương Tây như tự do cá nhân và tiêu dùng đã được tiếp thu, các giá trị tôn giáo và bộ tộc vẫn chiếm vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội, tạo ra một sự cân bằng độc đáo giữa hiện đại và truyền thống. Dầu lửa mang lại nguồn lợi kinh tế chính cho nhiều quốc gia trong khu vực Trung Đông, nhưng kinh tế càng phát triển, văn hóa Hồi giáo truyền thống càng được bảo tồn, coi trọng. Đây là điểm khác biệt cơ bản chỉ có ở Trung Đông, nơi luật pháp quốc tế, Luật Hồi giáo (Sharia) và Kinh Coran cùng có giá trị như nhau. Trong tổ chức điều hành thể chế và bộ máy nhà nước, Quốc vương hay Thủ tướng đều chung nghĩa vụ và bổn phận. Lấy ví dụ là Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất, Alsharekh và Springborg trong *Popular Culture and Political Identity in the Arab Gulf States* đã đưa ra nhận xét xác đáng: “UAE, mặc dù hiện đại hóa nhanh chóng và tiếp xúc với các ảnh hưởng phương Tây, vẫn giữ được một bản sắc văn hóa mạnh mẽ dựa trên các giá trị Hồi giáo và bộ tộc, tạo ra một sự pha trộn độc đáo giữa truyền thống và hiện đại” [Alsharekh & Springborg, 2009, p.98].

Cũng cần nói thêm rằng tại Trung Đông, nơi Hồi giáo thịnh hành và ngự trị, Cơ đốc giáo và Do Thái giáo vẫn tồn tại và chung sống, tuy có những thời điểm đối đầu, bất hòa nhưng vì cùng một gốc nên không triệt tiêu lẫn nhau hay trở thành “nguồn cơn” của những cuộc chiến tranh, xung đột chưa có ngày kết thúc như các phần tử Hồi giáo cực đoan từng xuyên tạc. Các cuộc chiến tranh, xung đột tương tàn đã và hiện đang diễn ra ở Trung Đông, suy cho cùng, không phải là “chiến tranh văn hóa”, “chiến tranh tôn giáo” hay xuất phát từ những xung đột về văn hóa, tôn giáo như nhiều người vẫn nghĩ. Chủ nghĩa sắc tộc và tư tưởng Hồi giáo cực đoan trỗi dậy, biến Trung Đông thành “điểm nóng” âm ỉ, luôn chực chờ bùng nổ lan rộng, xuất phát chủ yếu từ ý chí mù quáng của một số phần tử, cá nhân quá khích, một phần vì xung đột lợi ích kinh tế, phần khác vì muốn giữ lại quyền lực “thống trị về tinh thần” trước sức xâm lấn của nền văn minh hiện đại và nhu cầu khai phóng tất yếu của đại bộ phận nhân dân vốn bị giam giữ bởi những định kiến, định chế và sự khắc nghiệt Sharia. Trung Đông vốn là khu vực đa dạng văn hóa, hội tụ cả những nét đặc sắc của cả Á, Âu, Phi; đáng tiếc, sự đa dạng đặc sắc đó không được bảo tồn, tôn tạo, phát triển mà đang bị tàn phá, mai một.

2.2. Lịch sử và quá trình tiếp nhận văn hóa Trung Quốc, Pháp và Nga của Việt Nam

Một trong những nhà nghiên cứu lớn về văn hóa dân tộc, tư tưởng văn hóa phương Đông, lịch sử tư tưởng và văn học Việt Nam trung cận đại, giáo sư Trần Đình Hượu (1927-1995), trong công trình nghiên cứu “*Đến hiện đại từ truyền thống*” [Trần Đình Hượu, 1996] cho rằng bản sắc dân tộc của văn hoá không chỉ được hình thành, tạo tác nhờ sự sáng tạo nội sinh, mà sự ổn định bền vững của nó còn trông cậy vào khả năng tiếp nhận, chiếm lĩnh, đồng hoá các giá trị văn hoá bên ngoài.

2.2.1. Tiếp nhận văn hóa Trung Quốc

Người Việt Nam có một mối quan hệ lâu dài và phức tạp với Trung Quốc, nước láng giềng lớn phía bắc. Văn hóa Trung Quốc, theo bước chân xâm lăng của những kẻ thống trị tràn vào Việt Nam, áp đặt hệ tư tưởng Nho giáo và mô hình nhà nước phong kiến phương Đông hà khắc từ thời Tần - Hán vào tất cả mọi lĩnh vực lớn nhỏ của nước láng giềng phương Nam nhỏ bé khiến nó không thể chống đỡ. Bởi thế, ngay cả khi Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng lần thứ nhất năm 938, kết thúc 1117 năm Bắc thuộc đến các triều đại phong kiến Việt Nam sau này, Nho giáo vẫn được coi là hệ tư tưởng chính thống ngự trị trong tâm thức dân tộc; chữ Hán, tiếng Hán vẫn là thứ văn tự, ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong hệ thống văn khố, tang thư và hành chính, giao dịch thường ngày. Toàn bộ tổ chức bộ máy, chế độ khoa cử, tuyển chọn nhân tài của các triều đại phong kiến Việt Nam đều rập khuôn theo phương Bắc. Sĩ phu, quan lại, nhà nho... hầu hết đều được đào tạo qua “cửa Khổng sân Trình”; bệnh tật chương trích cú và thói “viết theo kinh điển, nói như thánh hiền” trở nên phổ biến.

Trong suốt hơn một thiên niên kỷ bị Trung Quốc đô hộ, văn hóa Việt Nam đã tiếp nhận nhiều yếu tố từ Trung Quốc, đặc biệt là Nho giáo và các hệ thống hành chính. Tuy nhiên, người Việt vẫn giữ được bản sắc riêng của mình thông qua việc bảo tồn các thực hành tôn giáo, phong tục và sự tự trị của các làng xã. “Các triều đại Việt Nam đã tiếp nhận Nho giáo và các thiết chế hành chính của Trung Quốc, nhưng các vị vua Việt Nam đã áp dụng chọn lọc các hệ thống này để phù hợp với điều kiện địa phương. Điều này cho thấy một cách tiếp cận tinh tế đối với ảnh hưởng của Trung Quốc, được kết hợp với các cấu trúc quản lý và thực hành văn hóa địa phương” [Woodside, 1971, p.102].

Sự tiếp nhận văn hóa Trung Quốc không phải là một sự sao chép hoàn toàn mà là quá trình chọn lọc, thích nghi. Nho giáo được sử dụng như một công cụ quản lý, nhưng không thể thay thế hoàn toàn tín ngưỡng và văn hóa dân gian bản địa. Điều này cho thấy sự linh hoạt và kháng cự văn hóa của người Việt. “Mặc dù chịu sự thống trị của Trung Quốc trong hơn một thiên niên kỷ, văn hóa Việt Nam vẫn duy trì được bản sắc riêng biệt bằng cách tích hợp Nho giáo và các cấu trúc hành chính của Trung Quốc, đồng thời giữ nguyên các thực hành tôn giáo địa phương và sự tự trị của làng xã” [Marr, 1981, p.37].

Miền cưỡng chấp nhận nền văn hóa đô hộ vì không thể khác, giới trí thức phong kiến Việt Nam xưa không thụ động mà luôn tìm cách “đồng hóa ngược”, biến nó thành của mình hoặc âm thầm nuôi dưỡng, lưu giữ một hướng đi riêng, độc lập và song hành với nó. Khi chữ Hán ngự trị, xóa sổ chữ Khoa đầu mà Hai Bà Trưng đã dùng để viết *Hịch khởi nghĩa* mùa xuân năm 40 thì người Lạc Việt lại sáng tạo ra chữ Nôm trên cơ sở mượn âm và nghĩa tiếng Hán. Thực tế thì chữ Nôm còn nhiều nét, khó viết hơn cả chữ Hán phồn thể; nhưng giới trí thức, văn sĩ phong kiến Việt Nam vẫn dùng, bởi nó, trong tình thế ấy, là một hướng đi, một sự lựa chọn và khẳng định tính không lệ thuộc, không thể đồng hóa thâm sâu trong ý thức dân tộc, văn hóa dân tộc. Sự xuất hiện và tỏa sáng liên tục của các “sao Khuê” cùng những đóng góp của các nhà trí thức, chí sĩ phong kiến cho hệ ý thức và văn chương nước nhà, từ Lê Thánh Tông, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du... đến “Siêu”, “Quát”, “Tùng”, “Tuy”... sau này vừa là minh chứng, vừa cho thấy một tư thế và diện mạo khác của văn chương nước nhà trong nỗ lực chống lại sự cưỡng bức, áp đặt của văn hóa đô hộ phương Bắc.

Thực ra, chất “bản địa” đặc biệt này của ý thức, văn hóa, văn học dân tộc không chỉ được thể hiện ở việc sáng tạo ra một thứ chữ viết riêng; mà chủ yếu và trước hết là ở cái trạng thái hồn nhiên, phóng khoáng thường trực của lối sống và cách nghĩ; của sự nhìn nhận, đánh giá tự nhiên, thể sự rạch ròi “núi sông bờ cõi đã chia, phong tục Bắc - Nam cũng khác” trong ý thức của người Việt; của tinh thần giao lưu, cộng sinh, kế thừa, chia sẻ của lối sống Việt từ thuở định hình cộng đồng. Đúng là đã có sự “hỗn dung văn hóa”, nhưng sự hỗn dung này không phản ánh sự mất định hướng trong việc tìm kiếm và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Xét về bản chất, văn hóa Việt Nam, ở cái thời kỳ mà nó chịu đựng sự áp đặt, đè nén mạnh mẽ nhất của các nền văn hóa ngoại lai, theo giáo sư Trần Quốc Vượng, vẫn là một nền văn hóa riêng, “phi Ấn phi Hoa” [Trần Quốc Vượng, tr.35-36]. Không nói đến văn hóa Đông Sơn và Sa Huỳnh, văn hóa Óc Eo Tây Nam Bộ thời tiền Chân Lạp (một trong ba cái nôi cấu thành văn hóa Việt, cấu thành tính cách con người và văn hóa Nam Bộ ngày nay),

trước khi bị chúa Nguyễn Hoàng sáp nhập trong cuộc trường chinh “mở cõi” phương Nam, cũng là thứ văn hóa mang đậm màu sắc của người bản địa. Dấu tích văn hóa, kiến trúc Ấn Độ còn đậm nét trong các công trình, chùa chiền của người Khơ me, nhưng văn chương nước nhà từ truyện cổ tích đến các sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu sau này thì không thấy chịu nhiều ảnh hưởng của Ấn Độ giáo. Cái “nhân”, “nghĩa”, “lễ”, “trí”, “tín” hay “quân”, “thần”, “phụ”, “tử”... của Nho giáo Trung Hoa được coi trọng, đề cao là thế, nhưng sang Việt Nam đã bị những bộ lão ở hội nghị “Bình Than”, “Diên Hồng” và các trọng thần như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải... biến thành tinh thần “Trượng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”; thành tư tưởng: “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn; lấy trí nhân để thay cường bạo”... mà Nguyễn Trãi đã nói. *Hịch tướng sĩ* khác với *Hịch khởi nghĩa* nhưng vẫn chung một tinh thần nhất quán. *Bình Ngô đại cáo* vừa là lời bố cáo chiến thắng, vừa là một bản tuyên ngôn, bản hùng ca bằng văn chương. Như thế, cái cốt cách văn hóa; cái nền tảng, khí phách và hơi hướng văn chương mà người Việt đã tạo dựng cơ bản là rõ ràng.

2.2.2. Tiếp nhận văn hóa Pháp và Tây Âu

Thực dân Pháp xâm lược nước ta từ năm 1858 và áp đặt chế độ cai trị thực dân nửa phong kiến hơn 80 năm. Đồng thời với việc tăng cường khai thác bóc lột thuộc địa, nhà nước bảo hộ cũng mở rộng truyền bá văn hóa Pháp và Tây Âu nhằm thực hiện chính sách mị dân; do vậy, văn hóa Pháp và Tây Âu đã dần xác lập được chỗ đứng trong tâm thức của một bộ phận người An Nam chịu ảnh hưởng tư tưởng, văn hóa Pháp hoặc mang nỗi “ưu thời mẫn thế”, vốn dĩ đã cảm thấy quá ngột ngạt bức bí với nền học vấn Khổng Nho giáo điều và muốn canh tân đổi mới. Trong thời kỳ thuộc địa Pháp (1858-1954), Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn hóa Pháp, đặc biệt là trong các lĩnh vực giáo dục, pháp luật, và kiến trúc. Tuy nhiên, sự tiếp nhận văn hóa Pháp không diễn ra dễ dàng hay toàn diện. Người Việt, đặc biệt là giới trí thức, đã sử dụng chính những giá trị của phương Tây để phê phán chế độ thực dân và bảo vệ bản sắc dân tộc. “Chính sách thuộc địa của Pháp đã mang lại sự hiện đại hóa cho Việt Nam, đặc biệt là trong cơ sở hạ tầng và giáo dục. Tuy nhiên, người Pháp không bao giờ thành công hoàn toàn trong việc biến đổi văn hóa Việt Nam, vì sự kháng cự của địa phương vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức tinh tế và công khai, đỉnh điểm là các phong trào dân tộc chủ nghĩa vào đầu thế kỷ 20” [Kelly, 2000, p.51].

Điều này có thể thấy rõ qua phong trào Duy Tân và Đông Du, khi nhiều trí thức Việt đã tiếp thu kiến thức từ Pháp để phát triển ý thức hệ quốc gia, từ đó dẫn đến cuộc đấu tranh giành độc lập. Ngay cả khi bị áp chế, khủng bố mạnh mẽ nhất, giới trí thức Việt vẫn có ý thức bảo vệ lòng tự tôn dân tộc hay tinh thần yêu nước đấu tranh của mình, trực tiếp hay gián tiếp, qua các nhóm, ấn phẩm, tòa soạn, cơ quan báo chí do họ sáng lập và làm chủ như Tri Tân, Thanh Nghị, Hàn Thuyên, Đông Dương tạp chí hay Nam Phong tạp chí... Tiếp nhận văn hóa Pháp và Tây Âu là tiếp nhận cái mới, nhưng cũng vừa là một cách thức hun đúc, gìn giữ, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc trong hoàn cảnh hiện tại. Ý thức rõ điều đó, nên trên báo *Chuông rê (La Cloche Fêlée)* số 5, số 6, tháng 12.1923, nhà báo Tây học Nguyễn An Ninh, người sáng lập và là chủ bút, đã đăng một bài viết hết sức sâu sắc về vấn đề này: “Chính là nhờ văn hóa của mình mà nhiều dân tộc có danh tiếng lâu đời, có ảnh hưởng trên thế giới và đóng vai trò khai trí trên hoàn cầu. Dân tộc nào bị thống trị bởi một nền văn hóa ngoại lai thì dân tộc ấy không thể nào thực sự độc lập được; dân tộc ấy sẽ độc lập thực sự khi nào nó có một nền văn hóa độc lập. Và chẳng, nền văn hóa là linh hồn của một dân tộc. Một người phải có tâm hồn cao thượng mới đạt được những lí thú cao thượng của cuộc sống; cũng tựa như thế, một dân tộc phải có văn hóa cao thượng mới đạt được những đặc quyền mà một dân tộc kém văn hóa không thể đạt được. Vậy thì một nền văn hóa riêng của mình là điều kiện của sự sống, điều kiện của sự phát triển độc lập của một dân tộc” [dẫn theo Mã Giang Lân, tr.48].

Trong lĩnh vực văn học, văn học Pháp và Tây Âu đã thực sự “áp đảo”, thắng thế khi nó được “chào đón”, “tiếp nhận” nhiệt liệt bởi một đội ngũ sáng tác phần lớn là các nhà trí thức “Tây học” và một thế hệ công chúng độc giả mới. Mọi lĩnh vực, thể loại của sáng tạo văn chương, nghệ thuật hiện đại đều được du nhập, tiếp nhận và phát triển nhanh chóng. Không khó để nhận ra dấu ấn của văn học Pháp và Tây Âu, nhất là chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa lãng mạn Pháp với các đại diện tiêu biểu như Noailles, Baudelaire, Verlaine, Mallarmé, Valéry... trong thơ Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy

Cận, Huy Thông cho đến Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Nguyễn Vũ, Bích Khê...; tuy nhiên, như Hoài Thanh đã khái quát trong *Thi nhân Việt Nam*: “Mỗi nhà thơ Việt hình như mang nặng trên đầu năm bảy nhà thơ Pháp. Ấy chỉ vì tôi tìm ảnh hưởng để chia xu hướng. Sự thực đâu có thế. Tiếng Việt, tiếng Pháp khác nhau xa. Hồn thơ Pháp hề chuyển được vào thơ Việt là đã Việt hóa hoàn toàn (...). Thi văn Pháp không làm mất bản sắc Việt Nam. Những sự mô phỏng ngu muội lập tức bị đào thải” [Hoài Thanh-Hoài Chân, 2006, tr.42].

Rõ ràng, bản chất, vai trò của văn hóa đối với sự tồn vong và phát triển của mọi quốc gia, dân tộc luôn cần được coi trọng. Dù liên tục bị đô hộ, cưỡng bức, nhưng văn hóa, văn học Việt Nam vẫn âm thầm tích tụ, phát triển bằng ý thức nội sinh và sự kế thừa. “Trong thời kỳ Pháp thuộc, Việt Nam đã có những biến đổi lớn trong giáo dục, kiến trúc và hệ thống pháp lý, chịu ảnh hưởng của phương Tây. Tuy nhiên, sự tiếp nhận văn hóa Pháp chỉ diễn ra một cách bề ngoài, và phần lớn người Việt vẫn giữ các chuẩn mực xã hội truyền thống của họ” [Brocheux & Hémery, 2009, p.124]; “Các cải cách giáo dục của Pháp nhằm mục đích xây dựng một tầng lớp tinh hoa phương Tây hóa trung thành với chế độ thực dân. Tuy nhiên, nhiều trí thức Việt Nam đã sử dụng kiến thức của họ về tư tưởng Pháp để phê phán chủ nghĩa thực dân và khẳng định bản sắc văn hóa và dân tộc của Việt Nam” [McHale, 2004, p.76]. Đó là một sự phản kháng trực tiếp, và sự phản kháng này là một minh chứng cho sự linh hoạt của văn hóa Việt Nam trong việc tiếp nhận những yếu tố hữu ích từ văn hóa ngoại lai nhưng vẫn giữ nguyên các giá trị cốt lõi của mình.

2.2.3. Tiếp nhận văn hóa Liên Xô

Liên Xô đã có ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công vào năm 1945. Ý thức hệ Marxist-Leninist và các mô hình quản trị xã hội chủ nghĩa của Liên Xô đã trở thành nền tảng cho chính sách và cơ cấu xã hội của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tuy nhiên, sự tiếp nhận văn hóa từ Liên Xô, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và khoa học, cũng giống như các trường hợp trước, không diễn ra một cách toàn diện và không dẫn đến sự loại bỏ hoàn toàn các giá trị truyền thống Việt Nam. “Trong thời kỳ chịu ảnh hưởng của Liên Xô, tầng lớp lãnh đạo của Việt Nam đã chấp nhận ý thức hệ Marxist-Leninist và mô hình quản trị kiểu Liên Xô. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng văn hóa từ Liên Xô phần lớn chỉ giới hạn trong các lĩnh vực giáo dục và khoa học, còn giá trị truyền thống Việt Nam vẫn chiếm ưu thế trong đời sống xã hội và gia đình” [Goscha, 2016, p.248]. “Ảnh hưởng văn hóa Liên Xô ở Việt Nam nổi bật nhất trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt thông qua các học bổng và chương trình đào tạo cho sinh viên Việt Nam tại Liên Xô. Tuy nhiên, ý thức hệ xã hội chủ nghĩa do Liên Xô giới thiệu đã cùng tồn tại với các giá trị truyền thống Việt Nam, tạo ra một sự kết hợp độc đáo giữa tư tưởng Marxist và niềm tin địa phương” [Zinoman, 2001, p.198].

Người Việt Nam tiếp nhận các yếu tố tư tưởng và kỹ thuật của Liên Xô thông qua các chương trình đào tạo và học bổng, nhưng bản sắc dân tộc và các giá trị truyền thống như tín ngưỡng tôn giáo, gia đình và cộng đồng vẫn được duy trì. Điều này cho thấy sự cân bằng giữa việc tiếp nhận các yếu tố ngoại lai để phát triển đất nước nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa của mình. Trong các lĩnh vực giáo dục và khoa học, Liên Xô đóng vai trò như một người thầy, đặc biệt là trong việc đào tạo các nhà khoa học và kỹ sư Việt Nam trong thời kỳ xây dựng đất nước sau chiến tranh. Trong lĩnh vực văn hóa, văn học; quá trình tiếp nhận văn hóa, văn học Nga - Xôviết diễn ra gần như đồng thời với việc tiếp nhận văn hóa, văn học Pháp và Tây Âu, nhưng ban đầu chỉ trong một bộ phận nhỏ các nhà hoạt động cách mạng hoặc các trí thức vô sản có tư tưởng Marxist như Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Đặng Thai Mai, Hải Triều và sau này... Dù chỉ biết đến qua số lượng ít ỏi các bản dịch tiếng Pháp, song các tác phẩm văn học, lý luận phê bình của M.Gorky, A.Tolstoy, N.Ostrovsky, M.Sholokhov... đã tác động, ảnh hưởng lớn tới toàn bộ các nhà văn, nhà thơ thuộc khuynh hướng văn học yêu nước cách mạng đương thời. Nhà thơ Tố Hữu sau này thừa nhận chính văn học Nga Xôviết đã làm ông “sáng mắt, sáng lòng”, thúc đẩy cả một lớp người như ông đi theo con đường hoạt động cách mạng. Nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai cũng cho rằng văn học Nga - Xôviết đã góp phần kéo văn học Việt Nam ra khỏi “tháp ngà cổ kính”. Các quan điểm “duy vật”, “vị nhân sinh” của Hải Triều trong các cuộc tranh luận đều có cơ sở, căn cứ từ hệ thống lý luận của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Xôviết. Bản thân Hải Triều, nhân sự kiện M.Gorky mất (1936), có viết

bài ca ngợi những đóng góp to lớn của nhà văn, coi ông là một trong những “bậc thầy văn hóa” của nhân loại thế kỉ 20.

Từ nhiều sự tương đồng, phù hợp về lý tưởng, mục đích..., văn học Nga - Xô viết được lựa chọn, tiếp nhận nồng nhiệt và nhanh chóng chiếm vị trí thống soái từ sau Cách mạng tháng 8 năm 1945, phát triển mạnh mẽ ở miền Bắc trong hai mươi năm chiến tranh và còn tồn tại đến cuối thế kỉ XX. Hệ thống lý luận của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Xôviết trở thành kim chỉ nam cho hệ thống lý luận văn nghệ Việt Nam. Phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa cùng các nguyên tắc cơ bản của nó, nhất là nguyên tắc điển hình hóa, được triển khai, áp dụng triệt để trong tư tưởng và thực tiễn sáng tác của các văn nghệ sĩ. Phải thừa nhận rằng, tính cách con người Xôviết, chủ nghĩa lãng mạn và anh hùng cách mạng Xôviết đã tạo được nhiều tấm gương, hình mẫu để người Việt Nam, văn hóa, văn học Việt Nam đương thời noi theo.

3. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu việc tiếp nhận văn hóa của Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước Trung Đông, các quốc gia Châu Phi và Việt Nam, có thể thấy rằng phản ứng của các quốc gia và dân tộc đối với văn hóa ngoại lai là một quá trình phức tạp, không chỉ đơn giản là tiếp nhận hay từ chối. Trong mọi trường hợp, văn hóa bản địa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc định hình cách tiếp nhận và điều chỉnh các yếu tố ngoại lai. Tiếp nhận chọn lọc là yếu tố chung trong tất cả các ví dụ. Tất cả các quốc gia và dân tộc này đều có xu hướng tiếp thu những khía cạnh hữu ích của văn hóa ngoại lai (như công nghệ, kiến thức khoa học, hệ thống hành chính), trong khi vẫn giữ lại các giá trị cốt lõi của văn hóa bản địa. Sự phản kháng đối với văn hóa ngoại lai thường đi kèm với những phong trào phục hưng văn hóa bản địa, qua đó, bảo vệ bản sắc dân tộc trước sự xâm nhập của các yếu tố ngoại bang.

Trong trường hợp của Việt Nam, quá trình tiếp nhận văn hóa Trung Quốc, Pháp và Liên Xô đã cho thấy sự linh hoạt và sức mạnh văn hóa nội tại của dân tộc. Văn hóa Việt Nam đã không chỉ đơn giản là tiếp thu mà còn có khả năng chọn lọc và chuyển hóa những yếu tố ngoại lai thành các giá trị phù hợp với hoàn cảnh và truyền thống. Bởi thế, chúng ta hoàn toàn tự tin để phấn đấu “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, bất chấp những thay đổi, biến động phức tạp, khó lường của tình hình thế giới giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alsharekh, A., & Springborg, R. (2009), *Popular Culture and Political Identity in the Arab Gulf States*. Saqi Books.
2. Berman, B. (1990), *Control and Crisis in Colonial Kenya: The Dialectic of Domination*. James Currey Publishers.
3. Brocheux, P., & Hémery, D. (2009), *Indochina: An Ambiguous Colonization, 1858-1954*. University of California Press.
4. Duus, P. (1998), *Modern Japan*. Houghton Mifflin Harcourt.
5. Goscha, C. E. (2016), *Vietnam: A New History*. Basic Books.
6. Kelly, G. P. (2000), *French Colonial Education: Essays on Vietnam and West Africa*. AMS Press.
7. Lie, J. (2012), *K-pop: Popular Music, Cultural Amnesia, and Economic Innovation in South Korea*. University of California Press.
8. Marr, D. G. (1981), *Vietnamese Tradition on Trial, 1920-1945*. University of California Press.
9. McHale, S. (2004), *Print and Power: Confucianism, Communism, and Buddhism in the Making of Modern Vietnam*. University of Hawaii Press.
10. Woodside, A. B. (1971), *Vietnam and the Chinese Model: A Comparative Study of Vietnamese and Chinese Government in the First Half of the Nineteenth Century*. Harvard University Press.
11. Zinoman, P. (2001), *The Colonial Bastille: A History of Imprisonment in Vietnam, 1862-1940*. University of California Press.
12. Trần Đình Hượu (1993), *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
13. Mã Giang Lân (2005), *Những cuộc tranh luận văn học nửa đầu thế kỉ XX*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
14. Trần Quốc Vượng (2000), *Văn hóa Việt Nam - Tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

15. Ngô Đức Thịnh (2023), *Hệ giá trị văn hóa Việt Nam*, Nxb Tri thức, Hà Nội
16. Lê Thị Anh (2013), Ảnh hưởng của văn hóa nước ngoài đến văn hóa Việt Nam hiện nay, Nguồn: <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/thong-tin-ly-luan/-/2018/24828/anh-huong-cua-van-hoa-nuoc-ngoai-den-van-hoa-viet-nam-giai-doan-hien-nay.aspx>
17. Vương Trí Nhàn (2005), “Xác nhận ảnh hưởng để rồi tìm ra chính mình, tách mình khỏi người”, - Nguồn: vuonghoahaidang.blogspot.com, Paris, tháng 6/2005.
18. Vũ Công Hào (2019), “Tiếp nhận văn học nước ngoài ở Việt Nam từ góc nhìn lịch sử văn hóa – Diễn trình và xu thế”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, số 33-Khoa học Xã hội và Giáo dục, tháng 8/2019, tr.27-39. ISSN 2354-1512.

RECEPTION OF FOREIGN CULTURE AND THE REACTION OF INDIGENOUS PEOPLE – A DEEPER EXAMINATION OF THE CASE OF VIETNAM

Abstract: *Culture is an invaluable asset, serving as the ideological and spiritual foundation of every nation and ethnicity. Preserving and promoting indigenous cultural values while selectively learning and accepting foreign cultures is the developmental path of every nation in its journey of “self-defense” and progression toward integration and globalization. Based on an examination and analysis of the history of foreign cultural reception and the reactions of indigenous people in Japan, South Korea, and some countries in Africa and the Middle East, this article offers several insights into the context and conditions of Vietnam's reception of Chinese, French, and Soviet cultures and the potential for cultural adaptation.*

Keywords: *foreign culture, indigenous culture, reception, reaction*